

Biểu số:

014tn.N/BCB-TCTK

Ban hành kèm theo Thông tư
số _/2020/TT-BNV ngày
//2020

Ngày nhận báo cáo:

Báo cáo năm: Ngày 31 tháng
3 năm sau năm báo cáo

**SỐ THANH NIÊN LÀ GIÁM
ĐỐC/CHỦ DOANH NGHIỆP,
HỢP TÁC XÃ/CHỦ TRANG
TRẠI**

Năm...

Đơn vị báo cáo:

Tổng cục thống kê

Đơn vị nhận báo
cáo:

Bộ Nội vụ

Đơn vị tính: Người

	Mã số	Số thanh niên là giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã	Số thanh niên là chủ trang trại
A	B	1	2
Tổng số	01		
1. Chia theo giới tính			
Nam	02		
Nữ	03		
2. Chia theo nhóm tuổi			
Từ đủ 16 tuổi đến 17 tuổi	04		
Từ đủ 18 tuổi đến 21 tuổi	05		
Từ đủ 22 tuổi đến 25 tuổi	06		
Từ đủ 26 tuổi đến 30 tuổi	07		
3. Chia theo dân tộc			
Kinh	08		
Khác	09		
4. Chia theo trình độ chuyên môn kỹ thuật			
Không có trình độ chuyên môn kỹ thuật	10		
Sơ cấp	11		
Trung cấp	12		

Cao đẳng	13		
Đại học	14		
Trên đại học	15		
5. Chia theo loại hình kinh tế			
Nhà nước	16		
Ngoài nhà nước	17		
Có vốn đầu tư nước ngoài	18		
6. Chia theo tỉnh/thành phố			
<i>(Ghi theo Danh mục đơn vị hành chính)</i>	19		

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số: 014tn.N/BCB-TCTK: Số thanh niên là giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã/chủ trang trại

1. Khái niệm, phương pháp tính

Số thanh niên là giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã/chủ trang trại được tính bằng số giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã/chủ trang trại là thanh niên tại một thời điểm nhất định.

2. Cách ghi biểu

- Cột 1: Ghi số thanh niên là giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã tương ứng với các dòng ở cột A.

- Cột 2: Ghi số thanh niên là chủ trang trại tương ứng với các dòng ở cột A.

3. Nguồn số liệu

- Điều tra doanh nghiệp trong Tổng điều tra kinh tế;

- Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản;

- Điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ.